

NHỤC ĐẬU KHÁU (Hạt)

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

NHỤC ĐẬU KHÁU (Hạt)

Myristicae Semen

Bạch đậu khấu

Hạt được làm khô của cây Nhục đậu khấu (*Myristica fragrans* Houtt.), họ Nhục đậu khấu (Myristicaceae). Thu hái vào đầu mùa hạ lúc quả chín, hái quả nỡ, bóc bỏ vỏ quả lấy hạt rồi phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Hạt hình trứng hoặc hình bầu dục, dài 2 cm đến 3 cm, đường kính 1,5 cm đến 2,5 cm. Mặt ngoài màu nâu tro hoặc vàng thẫm, có khi phủ phấn trắng, có rãnh dọc, mờ nhạt và nếp nhăn hình mạng lưới không đều. Có rốn ở đầu tù (rốn ở vị trí rẽ mầm) là một điểm lõm tròn, màu nhạt. Hợp điểm lõm và tối, noãn nhân dọc nối hai đầu hạt. Ngoài cùng là lớp vỏ hạt rồi đến lớp ngoại nhũ sát lớp vỏ hạt. Cây mầm nằm trong một khoang rộng. Chất cứng, mặt gãy có vân hoa đá màu vàng nâu, đầu tù. Có thể thấy phôi nhũ, khô, nhiều dầu, mùi thơm nồng, vị cay.

Ghi chú: Loại hạt khô, chắc, ngoài có màu vàng thẫm, có mùi thơm là loại tốt.

Vi phẫu

Ngoài cùng là lớp vỏ hạt, tế bào có thành hơi dày. Lớp ngoại nhũ sát lớp vỏ hạt, tế bào nhỏ có chứa chất màu nâu và xếp kéo dài theo hướng tiếp tuyến. Rải rác có những bó mạch, những tinh thể calci oxalat hình nhiều cạnh trong phần vỏ. Phần ngoại nhũ ăn sâu vào nội nhũ, phần nội nhũ gồm các tế bào to nhỏ không đều, chứa hạt tinh bột, giọt dầu và giọt aleuron. Hạt tinh bột đơn có đường kính 10 µm đến 20 µm, có rốn rõ, thường tụ lại thành đám 2 hạt đến 6 hạt, đường kính 25 µm đến 30 µm.

Bột

Màu nâu đỏ đến nâu xám, mùi thơm hắc, vị cay đắng. Có nhiều mảnh nội nhũ có chứa hạt tinh bột, giọt dầu và hạt aleuron. Mảnh vỏ hạt đôi khi có chứa tinh thể calci oxalat hình nhiều cạnh, rải rác có tinh thể calci oxalat tách rời. Giọt dầu. Mảnh tế bào ngoại nhũ chứa chất màu nâu. Mảnh mạch ít gặp. Tinh bột đa số là hạt đơn, đường kính 25 µm đến 30 µm, điểm rốn rõ.

Định tính

A. Cắt vi phẫu rồi nhuộm bằng *dung dịch iod (TT)*, nhỏ *glycerin (TT)* lên vi phẫu, quan sát ngay dưới kính hiển vi, thấy hạt aleuron tương đối lớn giữa các hạt tinh bột màu xanh lam. Nếu thay *glycerin (TT)* bằng *cloral hydrat (TT)*, quan sát thấy dầu béo hiện ra dưới dạng khối phiến, dạng lát vẩy, hơi nóng lập tức biến thành giọt dầu.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cyclohexan - ethyl acetat (8 : 2).

Dung dịch thử: Hòa tan tinh dầu của dược liệu thu được ở phần định lượng trong *cloroform (TT)* để được dung dịch chứa 0,2 ml tinh dầu trong 1 ml.

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan tinh dầu của Nhục đậu khấu (mẫu chuẩn) trong *cloroform (TT)* để được dung dịch chứa 0,2 ml tinh dầu trong 1 ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch thử và dung dịch đối chiếu. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin - acid sulfuric (TT)*. Sấy ở 105 °C cho đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 12.13).

Tỷ lệ vụn nát

Qua rây có kích thước mắt rây 3,150 mm: Không quá 5,0 % (Phụ lục 12.12).

Định lượng

Tiến hành theo phương pháp định lượng tinh dầu trong dược liệu (Phụ lục 12.7). Dùng 20 g bột dược liệu.

Dược liệu phải chứa ít nhất 6,0 % tinh dầu, tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Lấy hạt đã phơi khô, bỏ vỏ bọc ngoài hạt, lấy nhân bên trong. Có trường hợp dùng cả nhân và cả vỏ của hạt, phơi khô, thái nhỏ hoặc giã nát khi dùng. Nhục đậu khấu khi dùng không sao tẩm. Để sập tràng dùng loại cả vỏ cả nhân. Để trị tiêu chảy dùng nhân.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, mát, tránh mốc mọt. Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, để nơi khô ráo, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 3 tháng sau khi chế biến. Nếu thuốc đổi màu đen phải bỏ đi.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào các kinh tỳ, vị, đại tràng.

Công năng, chủ trị

Ôn trung, hành khí, sập trường, chỉ tả. Chủ trị: Tỳ vị hư hàn, đại tiện phân lỏng hoặc tiết tả hoặc trường hợp khí táo khí lỏng; đau vùng thượng vị đầy hơi, ăn không tiêu, nôn mửa.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 6 g, có thể dùng 8 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Chứng vị nhiệt hỏa uất không được dùng.